

Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 11 năm 2019
V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà **Lưu Thị Hằng**
- Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhớ; Ông Phạm Thuận.
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 365/2019/TLST-HNGĐ ngày 06.8.2019, về tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 365/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa 365/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Mỹ L**, sinh năm: 1982; Địa chỉ: K322/5 đường T, tổ 110 (cũ) 54 (mới) phường X, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Ông **Lê Xuân Tài N**, sinh năm 1976; Địa chỉ: K322/5 đường T, tổ 110 (cũ) 54 (mới) phường X, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Bà và ông Lê Xuân Tài N xây dựng gia đình vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND phường X, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện.

Sau khi kết hôn về sống chung thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình, quan điểm sống không hợp nhau nên không có hạnh phúc. Bà và ông N đã sống ly thân nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Lê Xuân Tài N.

Về quan hệ con chung: Bà và ông N có 02 con chung là Lê Ngọc Triệu V, sinh ngày 29.8.2002 và Lê Ngọc Kiều M, sinh ngày 08.11.2008. Ly hôn bà L có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định không có.

Bị đơn ông Lê Xuân Tài N Tòa án đã thông báo thụ lý và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn nên HĐXX không có cơ sở xem xét.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Mỹ L đối với ông Lê Xuân Tài N.

Xử cho bà Lê Thị Mỹ L được ly hôn ông Lê Xuân Tài N; Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao 02 con Lê Ngọc Triệu V, sinh ngày 29.8.2002 và Lê Ngọc Kiều M, sinh ngày 08.11.2008 cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, ông N không cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung bà L xác định không có, ông N vắng mặt nên Viện kiểm sát không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện VKS nhân dân quận Thanh Khê phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Lê Xuân Tài N tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Bà Lê Thị Mỹ L và ông Lê Xuân Tài N xây dựng gia đình vào năm 2007, có đăng ký kết hôn vào ngày 31.12.2007 (Số 199, ngày 31/12/2007) tại Ủy ban nhân dân phường X, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Quá trình chung sống, vợ chồng theo bà L trình bày thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình, quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau. Tại phiên tòa bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn ông Lê Xuân Tài N. Ông N cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông đều vắng mặt điều đó thể hiện ông không tha thiết với hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà L là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 02 con chung là Lê Ngọc Triệu V, sinh ngày 29.8.2002 và Lê Ngọc Kiều M, sinh ngày 08.11.2008. Ly hôn bà L có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Đối với ông N không có ý kiến phản hồi về yêu cầu này của bà L đồng thời nguyện vọng của hai con cũng được ở với mẹ nên cần chấp nhận yêu cầu của bà L giao hai con cho bà L nuôi dưỡng, ông N không cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định không có, ông N vắng mặt và không có ý kiến phản hồi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ L về tranh chấp "Ly hôn" đối với ông Lê Xuân Tài N.

Xử: 1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Mỹ L được ly hôn ông Lê Xuân Tài N.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Lê Ngọc Triệu V, sinh ngày 29.8.2002 và Lê Ngọc Kiều M, sinh ngày 08.11.2008 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông N không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đều được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định không có, ông N không có ý kiến gì nên không đề cập đến.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà L phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 5000 ngày 06.8.2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, bà L đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND thành phố Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát ND TP Đà Nẵng;
- VKSND quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND phường Xuân Hà, quận Thanh Khê;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lưu Thị Hằng

